



Thiết bị khoan đá Hàn Quốc

[Đặt hàng](#)

[Hotline](#)

[Chat zalo](#)

[Whatsapp](#)

[Facebook](#)

DÒNG BÚA TG

- Búa TG là thiết kế búa khoan lỗ mới nhất
- Trong các thử nghiệm gần đây, seri búa TG cho thấy cải tiến rõ rệt về lực và chất lượng khoan ngày càng hiệu quả

TÍNH NĂNG- LỢI ÍCH

- Thiết kế mang lại hiệu suất cung cấp tối đa năng lượng đầu ra.
- Cung cấp giải pháp giải quyết các lỗ khoan kích thước lớn hơn.
- Quy trình kiểm soát chất lượng đảm bảo tối ưu độ bền.
- Quy trình lắp ráp, bảo trì đơn giản.
- Cơ cấu bắt mũi khoan cải tiến.

1. DÒNG BÚA NHỎ



MODEL	TG35	TG40	API 3
Khớp nối	API 2 3/8" Reg. Pin	API 2 3/8" Reg. Pin	API 3
Thân mũi khoan	DHD3.5	DHD340	D
Đảo chiều	KHÔNG	KHÔNG	K
Đường kính mũi khoan khuyến nghị	93 - 105 mm (3 2/3 - 4 1/7 in)	105 - 127 mm (4 1/7 - 5 in)	130 - 152 mm
Đường kính ngoài	85 mm (3.35 in)	98 mm (3.86 in)	118 mm
Chiều dài (không bao gồm khớp nối & thân mũi khoan)	797.0 mm (31.4 in)	961.1 mm (37.8 in)	1081.0 mm
Trọng lượng (không bao gồm mũi khoan)	25.2 kg (55.6 lbs)	39.7 kg (87.5 lbs)	61.5 kg
Kích thước đầu nối (mm)	40 x 67 AF	40 x 74 AF	40
Tiêu hao nhiên liệu [m³/phút (cfm)]			
10.3 BAR / 150 PSI	5.2 (185)	7.2 (254)	8
13.8 BAR / 200 PSI	7.3 (257)	9.3 (325)	12
17.2 BAR / 250 PSI	9.2 (324)	11.1 (394)	15

20.7 BAR / 300 PSI

11.7 (409)

13.4 (468)

18

24.1 BAR / 350 PSI

13.9 (490)

15.3 (540)

21

Phụ kiện tùy chọn có sẵn

Thân mũi khoan

TD40 / SD4 / QL40

C

2. DÒNG BÚA TRUNG

MODEL	TG100L	TG100N	TG100
Khớp nối	API 6 5/8" Reg. Pin, Khớp	API 6 5/8" Reg. Pin, Khớp	API 6 5/8" Reg. Pin, Khớp
Thân mũi khoan	lục giác	lục giác	lục giác
Đảo chiều	SD10	SD10	SD10
Đường kính mũi khoan khuyến nghị	KHÔNG	KHÔNG	KHÔNG
Đường kính ngoài	251 - 305 mm (9 7/8 - 12 in)	251 - 305 mm (9 7/8 - 12 in)	300 - 445 mm (11 7/8 - 17 1/2 in)
Chiều dài (không bao gồm khớp nối & thân mũi khoan)	225 mm (8.86 in)	225 mm (8.86 in)	264 mm (10.35 in)
Trọng lượng (không bao gồm mũi khoan)	1387.0 mm (54.6 in)	1487.0 mm (58.5 in)	1615.0 mm (63.6 in)
Kích thước đầu nối (mm)	310.3 kg (684.1 lbs)	336.5 kg (741.9 lbs)	494.0 kg (1090 lbs)
Tiêu hao nhiên liệu [m³/phút (cfm)]	70 x 165 AF	70 x 165 AF	70 x 165 AF
10.3 BAR / 150 PSI	24.5 (865)	25.2 (890)	23.5 (835)
13.8 BAR / 200 PSI	29.6 (1045)	30.9 (1090)	32.5 (1155)
17.2 BAR / 250 PSI	32.8 (1160)	34.0 (1200)	43.5 (1535)
Phụ kiện tùy chọn có sẵn			
Thân mũi khoan	N100		N120 / D

3. DÒNG BÚA LỚN



MODEL	TG450N	TG450S	TG450
Khớp nối	API 8 5/8" Reg. Pin, Khớp	API 8 5/8" Reg. Pin, Khớp	API 8 5/8" Reg. Pin, Khớp
Thân mũi khoan	lục giác	lục giác	lục giác
Đảo chiều	TG450	TG450	TG450
Đường kính mũi khoan khuyến nghị	KHÔNG	KHÔNG	KHÔNG
Đường kính ngoài	460 - 660 mm (18 1/9 - 26 in)	460 - 660 mm (18 1/9 - 26 in)	610 - 850 mm (24 - 33 in)
Chiều dài (không bao gồm khớp nối & thân mũi khoan)	415 mm (16.34 in)	415 mm (16.34 in)	530 mm (20.87 in)
Trọng lượng (không bao gồm mũi khoan)	1872.0 mm (73.7 in)	2065.0 mm (81.3 in)	1872.0 mm (73.7 in)
Kích thước đầu nối (mm)	1474.9 kg (3251.7 lbs)	1656.9 kg (3652.8 lbs)	2375.0 kg (5236.0 lbs)
Tiêu hao nhiên liệu [m³/phút (cfm)]	50 x 370 AF / 4-ø40	50 x 370 AF / 4-ø40	54 x 480 AF / 4-ø40
6.9 BAR / 100 PSI	45.0 (1590)	46.4 (1640)	62.0 (2200)
10.3 BAR / 150 PSI	64.7 (2285)	66.2 (2340)	96.0 (3390)
13.8 BAR / 200 PSI	85.2 (3010)	89.5 (3160)	130.0 (4630)
Phụ kiện tùy chọn có sẵn			
Thân mũi khoan	N180 / SD18 / QL200	N180 / SD18	N180 / SD18

Sản phẩm liên quan

Hiện nay không có các mục tin tức.